TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN BIÊN** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 15/6/2018
"V/v ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN-TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Bùi Minh Cảnh.

2- Ông Trần Oai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lư Quốc Thịnh, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang: Ông Trần Khánh Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 46/2018/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 3 năm 2018 về việc: "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2018/QĐXX-ST, ngày 03 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2018/QĐST- HNGĐ, ngày 24 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị Bùi Mỹ K, sinh năm 1987 (có mặt).

2- Bị đơn: Anh Đỗ Minh U, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21/02/2018 nguyên đơn chị Bùi Mỹ K trình bày và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Chị và anh Đỗ Minh U kết hôn với nhau vào năm 2011, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Đến ngày 29/3/2011 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang.Vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nên

thường xuyên cự cải nhau làm cho hôn nhân không còn hạnh phúc. Đến năm 2015, anh U có quan hệ với người phụ nữ khác chung sống như vợ chồng, chị đã nhiều lần khuyên can nhưng anh U không từ bỏ. Từ đó, vợ chồng đã ly thân từ tháng 02 năm 2016 cho đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm của vợ chồng không còn nữa nên chị yêu cầu xin ly hôn với anh anh Đỗ Minh U.

Về con chung: Có 01 đứa con tên Đỗ Mỹ T, sinh ngày 01/01/2012, khi ly thân thì đứa con sống với anh U. Chị đồng ý giao con cho anh U tiếp tục nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Chị Bùi Mỹ K thừa nhận không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Đối với bị đơn anh Đỗ Minh U Tòa án đã tống đạt hợp lệ gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh U vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị K.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Bùi Mỹ K có ý kiến và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Đỗ Minh U.

Về con chung: Theo đơn khởi kiện chị đồng ý giao con cho anh U nuôi dưỡng. Tuy nhiên, từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay anh U ít về nhà để chăm sóc, giáo dục đứa con mà anh U giao cho mẹ chồng chăm sóc, nuôi dưỡng, hơn nữa mẹ chồng cũng lớn tuổi nên không thể chăm sóc, nuôi dưỡng cháu đảm bảo được và hiện nay cháu T còn nhỏ dạy nên cần có sự chăm sóc, dạy dỗ của người mẹ, hơn nữa chị cũng có công việc làm ổn định, có đủ điều kiện để nuôi con. Vì vậy, chị thay đổi yêu cầu khởi kiện là xin được nuôi con và không yêu cầu anh U phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Chị thừa không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết. Ngoài ra chị không có yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Đỗ Minh U vắng mặt.

Quan điểm của đại viện Viện kiểm sát:

Về phần thủ tục: Từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử thì Thẩm phán đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật.

Về phần nội dung:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Mỹ K xử cho chị Bùi Mỹ K và anh Đỗ Minh U được ly hôn.

Về con chung: Giao con tên Đỗ Mỹ T, sinh ngày 01/01/2012 cho chị Bùi Mỹ K chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh U không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và phần nợ chung: Chị Bùi Mỹ K thừa nhận không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, nuôi con và bị đơn trong vụ án có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với anh Đỗ Minh U đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với anh Đỗ Minh U.

[3] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị Bùi Mỹ K và anh Đỗ Minh U kết hôn với nhau năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Theo trích lục ghi chú kết hôn số 56/TLGCKH, ngày 29/3/2011 nên hôn nhân của chị K và anh U là hợp pháp.

Về mâu thuẫn: Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường cự cải nhau. Từ dó, vợ chồng đã ly thân từ tháng 02 năm 2016 cho đến nay, trong thời gian ly thân cho đến nay gần 3 năm nhưng anh U và chị K cũng không gặp nhau để tự hòa giải được và chị K cũng một mực kiên quyết ly hôn với anh U. Thể hiện tại biên bản xác minh ngày 14/3/2018 (BL 11).

Xét thấy, mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Mỹ K xử cho chị Bùi Mỹ K và anh Đỗ Minh U ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Chị Bùi Mỹ K và anh Đỗ Minh U có 01 đứa con là Đỗ Mỹ T, sinh ngày 01/01/2012. Tại phiên tòa hôm nay, chị Bùi Mỹ K yêu

cầu xin được nuôi con và không yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, yêu cầu của chị K là có cơ sở. Bởi vì, chị K và anh U cưới nhau về sống chung với cha mẹ của anh U, khi vợ chồng ly thân thì giao đứa con lại cho anh U nuôi dưỡng, nhưng trong thời gian qua anh U đã đi làm ăn xa ít về nhà chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T mà giao cho mẹ của anh U (là bà nội cháu T) nuôi dưỡng nên phần nào cũng không đảm bảo cho cuộc sống của cháu. Hơn nữa hiện nay bản thân của chị K có công việc làm ổn định, có đủ điều kiện để nuôi con, mặt khác cháu T còn nhỏ dạy phải cần có sự chăm sóc, dạy dỗ của người mẹ để cháu phát triển tốt hơn về mọi mặt. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của K là giao cháu Đỗ Mỹ T cho chị K chăm sóc, nuôi dưỡng, anh U không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản và nợ chung: Chị Bùi Mỹ K thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc chị Bùi Mỹ K phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), theo lai thu số 0001435, ngày 13/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vậy chị K đã nộp đủ tiền án phí.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nêu trên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Mỹ K và anh Đỗ Minh U được ly hôn.

2.Về con chung: Xử giao cháu Đỗ Mỹ T, sinh ngày 01/01/2012 cho chị Bùi Mỹ K chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh U không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh U có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Khi cần thiết chị K và anh U có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản và nợ chung: Chị Bùi Mỹ K thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc chị Bùi Mỹ K phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), theo lai thu số 0001435, ngày 13/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vậy chị K đã nộp đủ tiền án phí.

5. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm báo cho chị K có mặt biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (15/6/2018). Đối với anh U vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- THADS huyện An Biên;
- UBND xã H;.
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thanh Tâm